

TẬP ĐOÀN
BUU CHÍNH VIỄN THÔNG
VIỆT NAM
BỆNH VIỆN BUU ĐIỆN

Số: 1654/BVBD-VTTBYT

V/v: mời gửi báo giá cung ứng vật tư, hóa chất phục vụ dự án KHCN “Nghiên cứu xây dựng quy trình nhận diện tinh tử, tiêm tinh tử vào bào tương noãn và đánh giá khả năng phát triển phôi nang từ tinh tử bằng hệ thống time-lapse ở nam giới vô tinh không tắc nghẽn tại Bệnh viện Bru điện”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2026

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Bru điện có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng dự toán, giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Bru điện

Số 49 phố Trần Điền, phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ tên người nhận: Bà Nguyễn Hồng Hạnh

- Chức vụ: Chuyên viên phòng Vật tư – TBYT

- SĐT: 033.854.0017

II. Thành phần báo giá:

- Báo giá theo mẫu tại Phụ lục 01 đính kèm: Bản gốc có ký đóng dấu người đại diện pháp luật.

- Quyết định trúng thầu tại Cơ sở y tế khác, không phải tại Bệnh viện Bru điện (sau đây viết tắt là: *Quyết định trúng thầu*); ưu tiên đã ký trong vòng 1 năm trở lại đây tính từ ngày 15/6/2026 hoặc trước đó (nếu có và đánh giá còn hợp lý): Bản sao y, đóng dấu công ty.

III. Nội dung yêu cầu trong báo giá và trên Quyết định trúng thầu:

1. Nội dung yêu cầu trong báo giá gồm tối thiểu các thông tin sau đây:

- Danh mục hàng hóa: *Chi tiết tại các phụ lục 02 đính kèm. Chào theo mẫu tại Phụ lục 01.*

- Địa điểm giao hàng:

Bệnh viện Bru điện, cơ sở 1: Số 49 phố Trần Điền, phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội.

Bệnh viện Bru điện, cơ sở 2: Số 1 phố Yên Bái II, phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

- Thời gian giao hàng dự kiến: 24 tháng.
- Thanh toán: Chuyển khoản 100% giá trị hóa đơn trong vòng 90 ngày kể từ ngày giao hàng và hóa đơn.
- Các thông tin khác (nếu có).

2. Nội dung yêu cầu trên Quyết định trúng thầu (viết tắt: QĐTT):

- Bôi đậm (Highlight) danh mục được tham chiếu giá.
- Tại mỗi danh mục được tham chiếu giá trên QĐTT, Công ty ghi “Mã yêu cầu” (G....) để thuận lợi đối chiếu.

IV. Cách thức, thời gian tiếp nhận, hiệu lực báo giá:

1. Gửi trực tiếp đến địa chỉ:

Tầng 6- phòng Vật tư –TBYT, Bệnh viện Bru điện, Số 49 phố Trần Điền, phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội.

2. Gửi bản Quyết định trúng thầu tại CSYT khác, File excel và scan báo giá ký người đại diện pháp luật vào email: vttbyt.bvbd01072013@gmail.com.

3. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 15/6/2026 đến trước 17h ngày 24/6/2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

4. Thời hạn có hiệu lực của báo giá:

- Tối thiểu 730 ngày kể từ ngày 15/6/2026.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của các đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VTTBYT

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Trường Giang

PHỤ LỤC 01
MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo công văn số: 1654 /BVBD-VTTBYT ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Bệnh viện Bru điện)

TÊN ĐƠN VỊ BÁO GIÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Bru điện

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Bru điện, chúng tôi... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các hàng hóa như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị và dịch vụ liên quan

STT	Mã yêu cầu ⁽¹⁾	Danh mục Hàng hóa ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model ⁽³⁾	Hãng sản xuất ⁽⁴⁾	Mã HS ⁽⁵⁾	Năm sản xuất ⁽⁶⁾	Xuất xứ ⁽⁷⁾	Số lượng chính ⁽⁸⁾	Số lượng tùy chọn mua thêm ⁽⁹⁾	Đơn giá ⁽¹⁰⁾ (đồng)	Đơn vị tính ⁽¹¹⁾	Thành tiền ⁽¹²⁾ (đồng)	Mô tả tính năng kỹ thuật ⁽¹³⁾	QĐTT tham chiếu	
														Đơn giá trúng thầu (đồng) ⁽¹⁴⁾	Quyết định số ngày của ... ⁽¹⁵⁾
1												Cách tính: (12) = [(8) + (9)] *(10).			
2															
3															
4															

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn ngày], kể từ ngày ... tháng... năm. ..[ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục IV - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày..... tháng.....năm.....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹⁶⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 15.

(1) Là “Mã yêu cầu” nêu tại các Phụ lục.

(2) Là Tên hàng hóa theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục hàng hóa” nêu tại các Phụ lục 02 đính kèm.

(3) Là ký hiệu, mã hiệu, model của hàng hóa.

(4) Là Hãng sản xuất.

(5) Là mã HS của từng hàng hóa.

(6), (7) Là năm sản xuất, xuất xứ của hàng hóa.

(8) Là số lượng, khối lượng chính nêu trong Yêu cầu báo giá.

(9) Là số lượng, khối lượng tùy chọn mua thêm nêu trong Yêu cầu báo giá.

(10) Là đơn giá chào (đã bao gồm đầy đủ thuế, phí/lệ phí, chi phí vận chuyển, bàn giao và dịch vụ khác liên quan).

(12): Cách tính: $(12) = (8 + 9) * (10)$. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng hàng hóa (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (đồng). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(15): Ví dụ: Quyết định số 123/QĐ-BV ngày 12/3/2025 của Bệnh viện A

(16): Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

PHỤ LỤC 02: DANH MỤC HÀNG HÓA

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Tổng số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ
1.	G3.480	Băng dán điều trị vết thương hậu phẫu (6x8cm)	Miếng	3	<ul style="list-style-type: none"> - Băng dán điều trị vết thương hậu phẫu cỡ 6x8cm - Cấu tạo gồm 4 lớp: Lớp vỏ chống nước và hàng rào chống khuẩn (những vi khuẩn lớn hơn 25nm); Lớp siêu thấm, viền gạc trong suốt; Lớp dán công nghệ Safetac hoặc tương đương; Lớp điều hướng dịch tiết với công nghệ Y-Flex hoặc tương đương. Tấm pad thiết kế đường cắt có thể kéo giãn mọi hướng, bám sát với cơ thể trong trường hợp di chuyển. - Có thể gỡ và điều chỉnh mà không mất khả năng dính; Độ thấm hút của băng: 6,12g/10cm²/24h 	Không yêu cầu
2.	G1.9	Băng dính lá cỡ 50x70mm	Miếng	3	<p>Nền băng Polyester đan không dệt (Elastic Non-woven fabric) định lượng vải 45-55g/m², mềm mại, thoáng khí. Băng 4 góc bo tròn tránh bung mép. Gạc 3cm x 4cm, rayon 80%, PET (polyester) 20%, định lượng 210-230g/m², độ bền kéo 3.0kg/12mm ± 300g, có lớp màng Polyethylene (P.E) không dính vào vết thương. Phủ keo Acrylic độ dính 580g/12mm ± 30g an toàn cho mọi loại da. Tiết trùng từng miếng bằng E.O Gas.</p>	Không yêu cầu
3.	G1.376	Băng dính lụa 2,5cm x 9,1m	cm	480	<p>Băng dính vải đa dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nền vải lụa acetate taffeta mịn, mềm, không đàn hồi với độ bền kéo mạnh. - Keo Acrylate 30-50% (không chứa mù cao su), độ dính tốt, ít gây dị ứng và không sót keo khi tháo băng ra. - Xé theo 2 chiều - Kích thước: 2.5cm x 9.1m - Lõi giấy - Chống thấm nước. 	Không yêu cầu
4.	G1.12	Băng phim trong cố định kim luồn cỡ 6 x 7cm loại xẻ rãnh	Miếng	25	<p>Băng dính trong suốt dùng trong cố định các loại catheter</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: màng Polyurethane 2-15% trong suốt, bán thấm, nền keo Acrylate 3-30% (không latex), không sót keo khi tháo băng. - Có xẻ rãnh - Có nhãn ghi chú ngày giờ dán băng - Đặc tính: Kháng vi khuẩn/virut với đường kính >27nm (HIV-1, HBV), quan sát được vùng tiêm và vùng da, thông thoáng, co giãn theo chuyển động của da, hạn chế kích ứng da - Kích cỡ: 6 x 7 cm - Đóng gói tiết khuẩn riêng từng miếng 	Không yêu cầu
5.	G1.17	Bộ dây truyền dịch có van Air lọc vi khuẩn	Bộ	31	<ul style="list-style-type: none"> - Có bầu đếm giọt 2 ngăn, - Màng lọc vi khuẩn, virus tại van thông khí, - Đầu khóa vặn xoắn Luer Lock, - Bầu 2 ngăn cứng - mềm, - Có cổng tiêm thuốc, 	Không yêu cầu

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Tổng số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ
					- Có sử dụng chất phụ gia DEHT an toàn (không sử dụng chất DEHP) (Có xác nhận của bên thứ 3).	
6.	G1.204	Túi bông cất gồm: Bông 3x3 cm-VT 10g/túi	gam	15	- Bông hút nước (100% cotton), màu trắng, không bụi bẩn- Tốc độ hút nước ≤ 10s- Độ acid bazo: trung tính- Chất tan trong ether: ≤ 0,5%- Độ ẩm: ≤ 8%- Tiệt trùng bằng khí E.O- Quy cách: 10g/túi	Không yêu cầu
7.	G1.25	Bơm tiêm nhựa 10ml	Cái	2	Bơm tiêm nhựa liền kim ,dung tích 10ml, cỡ kim 25Gx1; 23Gx1. Pitton có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng.	Không yêu cầu
8.	G1.26	Bơm tiêm nhựa 20ml	Cái	12	Bơm tiêm nhựa liền kim, dung tích 20ml, cỡ kim 23Gx1. Pitton có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng.	Không yêu cầu
9.	G1.127	Cồn 70 độ	ml	190	70 độ, là cồn ethanol, có công thức hoá học C ₂ H ₆ O hoặc C ₂ H ₅ OH	Không yêu cầu
10.	G1.208	Chi không tiêu đơn sợi nylon số 2/0	Sợi	1	- Chi không tan tổng hợp nylon số 2/0, dài ≥75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 26 mm, kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde hoặc tương đương - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả	Không yêu cầu
11.	G1.64	Găng không vô trùng	Đôi	48	- Chiều dài : 240±5mm, có cỡ XS, cỡ S, cỡ M, cỡ L, cỡ XL - Có phủ bột chống dính - Sản xuất từ cao su (latex) thiên nhiên, mềm mại, độ bền cao. - Chiều dày 1 lớp: Tại vùng trơn nhẵn 0.08. Tại vùng nhám: 0.10 - Lực kéo đứt tối thiểu trước già hóa: 7,5N - Khả năng giãn dài tối thiểu trước già hóa: 680% - Lực kéo đứt tối thiểu sau già hóa: 6,5N - Khả năng giãn dài nhỏ nhất sau già hóa: 670% - Bột ngô trơn chống dính đạt tiêu chuẩn Dược điển Mỹ (USP). Lượng bột bôi trơn (nằm ở mặt trong găng): 80 ± 20 mg. Bột không gây độc, dị ứng với người dùng. - Công nghệ lột nước: Nhằm loại bỏ hầu hết các chất độc hại như Nitrozamine, Protein.	Không yêu cầu
12.	G1.65	Găng vô trùng các số	Đôi	36	Găng tay được Sản xuất từ nguyên liệu Latex(Cao su thiên nhiên), ly tâm 2 lần nhằm loại bỏ các tạp chất, độc tố, tác nhân gây dị ứng. - Hàm lượng Protein ≤200 µg/dm ² .Kiểu bề mặt trơn, ngón tay thẳng(SS)Kích thước: Có 5 size: size 6; size 6,5; size 7; size 7,5; size 8- Chiều dài: ≥ 280mm- Chiều rộng Size 6.5: 83±5mm. Size 7.0: 89±5mm. size 7.5: 95±5mm. Size 8.0: 102±5mm.- Chiều dày tối thiểu 1 lớp cho các cỡ: ≥ 0,13mm)Cơ lý tính: Lực kéo đứt trước lgià hóa: 13N.Lực kéo đứt sau già hóa: 11N.- Độ giãn đứt tối thiểu: trước già hóa 750% sau già hóa 650%.Độ kín nước (lỗ thủng): Mức kiểm tra G-I. AQL: 1.5.Trọng lượng trung bình: g/ đôi và dung sai ± 0.2g.Size: 6.5:16.5 g; 7.0: 18.5g; 7.5: 20.5g; 8.0: 23 g.Găng có phủ bột chống dính (thành phần chính là bột ngô biến tính, loại có thể được dịch cơ thể hấp thụ đạt tiêu chuẩn dược điển Mỹ "USP"). -Lượng bột bôi trơn nằm mặt trong găng: 100±20mg.Được tiệt trùng bằng khí E.O.	Không yêu cầu

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Tổng số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ
13	G1.691	Kim luồn có catheter cân quang	Cái	26	<ul style="list-style-type: none"> - Có đầu bảo vệ an toàn bằng kim loại hoặc cơ chế bảo vệ hoàn toàn đầu kim. - Đầu kim 3 mặt vát. - Catheter nhựa có 4 đường cân quang ngầm. vật liệu FEP-Teflon. - Màng chống máu tràn ra khi thiết lập đường truyền hoặc có van chặn dòng máu 1 chiều. - Cơ chế trào máu 2 lần (Double flash back) giúp xác nhận lấy ven thành công - Kim luồn có cánh, có cửa. - G22: Tốc độ chảy ≥ 31ml/phút và ≤ 36ml/phút, độ dài catheter: ≥ 25mm - G20: Tốc độ chảy ≥ 54ml/phút và ≤ 61ml/phút. Độ dài catheter: ≥ 32mm - G18: Tốc độ chảy ≥ 80ml/phút và ≤ 96ml/phút. Độ dài catheter: ≥ 45mm - Chứng nhận EC - Khoảng cách từ đầu mặt vát kim sắt đến đầu catheter <1mm đảm bảo lực tác động, giảm đau. 	Không yêu cầu
14	G1.72	Kim lấy thuốc các loại	Cái	4	<ul style="list-style-type: none"> - Kim làm bằng chất liệu thép không gỉ. Đường kính bên trong lớn giúp lưu lượng dòng chảy cao, đốc kim bán trong suốt giúp quan sát máu lưu hồi, mũi kim sắc bén giảm tổn thương mô và ít đau. - Kích cỡ: 18G, chiều dài 38mm, màu hồng - Đạt tiêu chuẩn CE 	Không yêu cầu
15	G1.355	Nút chặn kim luồn	Cái	21	<ul style="list-style-type: none"> - Đúng kích cỡ theo yêu cầu - Có công tiêm thuốc không chứa Latex. - Đóng gói vô trùng riêng biệt từng cái. 	Không yêu cầu
16	G4.6	Dẫn lưu ổ bụng loại trắng silicon, loại có lỗ	Cái	1	<ul style="list-style-type: none"> Chất liệu nhựa PVC y tế hoặc tương đương, ống dây mềm dẻo. Đường kính trong 5.0mm hoặc 7.0mm, đường kính ngoài: 7.0mm hoặc 10mm chiều dài ≥ 396mm . Được tiệt trùng bằng EO hoặc tương đương. 	Không yêu cầu
17	G1.260	Tấm đệm lót loại siêu thấm	Cái	1	<ul style="list-style-type: none"> - Hạt siêu thấm - Miếng dán cố định mặt dưới - Size M, L - Quy cách: ≥ 20 miếng/gói - Kích thước (dài x rộng): 720mm x 420mm +/- 10mm - Khối lượng: 70g +/- 10% - Khả năng thấm hút: ≥ 650ml - Thời gian thấm hút: ≤ 50s - pH: 6-8 - Tổng số vi khuẩn hiếu khí không lớn hơn 200 CFU/g (test theo TCVN 10584:2014 hoặc tương đương) - Tổng số nấm mốc không lớn hơn 100 CFU/g (test theo TCVN 10584:2014 hoặc tương đương) 	Không yêu cầu

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Tổng số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ
18	G1.158	Túi gạc thay băng gồm: 5 cái Gạc 7,5x15x10 lớp, VT 5 củ ấu fi 25, VT	Túi	4	Thành phần gồm: + Gạc phẫu thuật 7.5 x 15cm x 10 lớp: 5 cái; + Gạc củ ấu Fi 25mm: 5 cái. Nguyên liệu: Vải dệt hút nước 100% cotton Đặc tính Gạc phẫu thuật, Gạc củ ấu: - Khả năng hút nước: > 5 g nước/g gạc; - Tốc độ hút nước: < 8 s; - Giới hạn acid và kiềm: Đạt trung tính; - Tinh bột và dextrin: Không phát hiện. Đóng gói: 1 bộ/gói. Mỗi thành phần được đóng vào 01 bao nylon mỏng, sau đó được bỏ vào túi giấy dùng trong y tế, được tiệt trùng bằng EO-Gas. Đạt tiêu chuẩn cGMP-FDA.	Không yêu cầu
19	G1.690	Vòng đeo tay bệnh nhân	Cái	14	- ≥ 80% nano-silicon hoặc tương đương - Không gây kích ứng, mềm mại - Chống thấm với môi trường khô và ẩm, ethanol, xà phòng, dầu, ... - Màu xanh - Kích thước: 254x32mm (± 2mm) - Có tối thiểu 12 lỗ bấm, có nút gài - Phương pháp in nhiệt trực tiếp, tương thích với máy in nhãn TD-2130N hoặc tương đương	Không yêu cầu
20	G9.54.2	Đầu tip không có đầu lọc ≤ 200ul, chiều dài 53mm	Cái	200	- Chiều dài: 53mm; - Dải thể tích: 2 - 200ul; - Có vạch chia thể tích rõ ràng; - Phù hợp với nhiều loại pipet khác nhau; - Không chứa nội độc tố Pyrogen, Dnase, Rnase, ATP, DNA người, DNA vi khuẩn; - Tiệt trùng, đóng gói riêng từng chiếc.	G7
21	G9.12.2	Đầu tip không có đầu lọc ≤ 20ul, chiều dài 40mm	Cái	200	- Chiều dài: 40mm;- Dải thể tích: 0,1 - 20ul;- Có vạch chia thể tích rõ ràng; - Phù hợp với nhiều loại pipet khác nhau;- Không chứa nội độc tố Pyrogen, Dnase, Rnase, ATP, DNA người, DNA vi khuẩn;- Tiệt trùng, đóng gói riêng từng chiếc.	G7
22	G9.14.3	Đĩa nuôi phôi liên tục Timelapse	Cái	24	- Có 16 vi giếng nuôi cấy phôi, đánh số thứ tự, nằm trong 2 khoang; - Có 4 giếng rửa, mỗi giếng chứa được từ 25-30 μl môi trường nuôi cấy; - Dùng trong điều kiện môi trường nuôi cấy không tạo ẩm; - Kích thước: 50mm × 70 mm (± 0,5 mm); - Có nắp đậy, đóng gói riêng lẻ từng cái; - Tiệt trùng bằng tia E- SAL 10 ⁻⁶ ; - Thử nghiệm độc tố đối với phôi bằng phôi chuột 1 tế bào - tối thiểu 80% túi phôi mở rộng sau 96 giờ.	Không yêu cầu

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Tổng số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ
					- Tương thích với hệ thống Timelapse EmbryoScope+	
23	G9.13	Đĩa petri 35mm	Cái	80	- Diện tích nuôi cấy: 8.8 cm ² ; - Đường kính: 35 mm, chiều cao: 11 mm; - Nắp đậy có thiết kế thông hơi giúp quá trình trao đổi khí được thuận lợi; - Nắp và thân hình trụ; không có: diềm, ngạnh, tai; - Khử trùng bằng chiếu xạ : SAL ≤ 10 ⁻⁶ ; - Vật liệu polystyrene kiểm nghiệm USP cấp VI; - Kiểm nghiệm nội độc tố (LAL): ≤20 EU/cái hay ≤ 0.5 EU/ml; - Kiểm nghiệm MEA: + >80% phôi thử nghiệm → 1 tế bào thành phôi nang trong 96 giờ - Kiểm nghiệm HSSA: + Kiểm soát và thử nghiệm khả năng di động tiền triển của tinh trùng sau 24 giờ >70%.	EU
24	G9.93	Đĩa petri 35mm tiết trùng từng cái	Cái	24	- Đường kính ngoài: 35 mm; - Chiều cao ngoài: 10mm; - Kiểm nghiệm MEA-test, HSSA test. - Vật liệu polystyrene được kiểm nghiệm USP cấp VI; - Không chứa Bisphenol A; - Khử trùng bằng chiếu xạ; sản xuất đóng gói trong phòng sạch. - Đĩa dạng trụ, không có diềm, ngạnh, tai.	G7
25	G9.14.1	Đĩa petri 60mm	Cái	80	- Diện tích nuôi cấy: 21,5 cm ² ; - Đường kính: 54 mm, chiều cao: 11mm-14 mm; - Thân và nắp đĩa hình trụ; không có: diềm, ngạnh, tai; - Đường kính nắp: 57mm (± 2mm), Chiều cao nắp: 10mm (± 0.5mm); - Khử trùng bằng chiếu xạ hoặc tương đương, mức độ an toàn tiết trùng (chiếu xạ): ≤ 10 ⁻⁶ ; - Vật liệu polystyrene kiểm nghiệm USP cấp VI; - Kiểm nghiệm MEA-test, không chứa nội độc tố gây sốt (non- pyrogenic).	EU
26	G9.18	Môi trường để rửa tinh trùng	ml	250	- Thành phần: không chứa phenol đỏ, hệ đệm HEPES, bicarbonate, muối sinh lý, glucose, lactate, pyruvate;- Nồng độ HSA: 3,2-4,8 g/lit;- pH=7,30-7,60;- Độ thẩm thấu: 270-290 mOsm/kg;- Sàng lọc vi khuẩn: Âm tính;- Sàng lọc nấm: Âm tính;- Kiểm nghiệm nội độc tố (LAL): <0,25 EU/ml;- Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào): ≥80%;- Đóng gói ≤ 50 ml/lọ.	EU
27	G9.25.1	Môi trường xử lý trứng chứa HAS	ml	30	- Thành phần: Alanine, Alanyl-glutamine, Asparagine, Aspartate, Calcium chloride, Gentamicin, Glucose, Glutamate, Glycine, Albumin huyết thanh người, Magnesium sulphate, MOPS, Potassium chloride, Proline, Serine, Sodium bicarbonate, Sodium chloride, Sodium dihydrogen phosphate, Sodium hydroxide, Sodium lactate, Sodium	EU

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Tổng số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ
					pyruvate, Taurine, Nước tiêm; - Hệ đệm MOPS; - pH (tại +37°C và 6% CO ₂): 7,27 ± 0,07; - Độ thẩm thấu: 280 ± 5 mOsm/kg; - Mức độ an toàn tiệt trùng (lọc tiệt trùng): Không có bằng chứng tăng trưởng vi sinh; - Kiểm nghiệm nội độc tố (LAL): < 0.25 EU/ml; - Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (tỷ lệ túi phôi phát triển trong vòng 96 giờ) [%]: ≥ 80; - Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (số lượng tế bào túi phôi trong vòng 96 giờ): Không có sự khác biệt về thống kê;	
28	G9.29.1	Môi trường cố định và cô lập tinh trùng	ml	1	- Môi trường cố định và cô lập tinh trùng trước khi làm ICSI; - Dung dịch dạng nhớt chứa albumin huyết thanh người dùng để xử lý tinh trùng; - Nội độc tố vi khuẩn (thử nghiệm LAL) [IU hoặc EU/mL]: < 1,0; - Tỷ lệ sống sót của tinh trùng: ≥ 40%; - Thành phần: EDTA, Glucose, Magnesium sulphate, Potassium chloride, Potassium dihydrogen phosphate, Sodium bicarbonate, Sodium chloride, pyruvate, Nước tiêm.	EU
29	G9.32.1	Kim giữ trứng ≥20° và ≤35°	Cái	50	- Vật liệu: Thủy tinh; - Kích thước trong: ID = 15-30 μm; - Kích thước ngoài: OD = 100-120 μm; - Góc đầu kim từ 20° - 35°; - Chiều dài từ mũi kim đến khuỷu: ≤1mm; - Đầu kim phẳng và vuông để hỗ trợ tốt hơn cho tế bào trứng và phôi; - Đóng gói tiệt trùng từng chiếc; - Kiểm nghiệm MEA-test; - Kiểm nghiệm nội độc tố.	G7
30	G9.101	Kim tách trứng thường	Cái	50	- Chất liệu: Làm từ polymer y tế chất lượng cao trong điều kiện phòng sạch; - Tổng thể tích: 20-25 μl, tùy thuộc vào kích thước; - Đường kính ngoài gần: 900μm; - Đường kính đầu tip: Từ 125μm đến 600μm; - Kiểm nghiệm MEA-test (>80%) và kiểm nghiệm nội độc tố (<0.05EU); - Tiệt trùng bằng chiếu xạ (SAL): ≤ 10 ⁻⁶ ; - ISO 13485, dán dấu CE.	G7
31	G9.144	Môi trường ly giải mô tinh hoàn	ml	108	- Môi trường có độ pH (ở 37 ° C): 7.20-7.70 - Áp suất thẩm thấu [mOsm/kg]: 270 – 310 - Thành phần: NaCl, KCl, KH ₂ PO ₄ , MgSO ₄ .7H ₂ O, NaHCO ₃ , CaCl ₂ .2H ₂ O, D(+)-Glucose anhydrous, Na-Lactate, Na-Pyruvate, EDTA, Amino Acids, HEPES, , Phenolred; - Hoạt độ collagenase 1000 CDU/ml (Collagen Digestion Units). - Tiệt trùng: SAL ≤ 10 ⁻³ ;	G7
32	G9.61	Môi trường nuôi	ml	80	- Dùng trong các quy trình hỗ trợ sinh sản: thao tác với giao tử, nuôi cấy phôi người từ	G7

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Tổng số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ
		cây phôi liên tục			<p>khi thụ tinh đến ngày 5/6;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: 19 loại amino acid, muối (Sodium Chloride, Potassium Chloride, Potassium Phosphate, Calcium Chloride, Magnesium Sulfate, Sodium Citrate); cơ chất tạo năng lượng, protein huyết thanh người, EDTA, Hydrochloric Acid, kháng sinh gentamicin; - Kiểm nghiệm: MEA, LAL, HSSA; - Tiệt trùng (SAL): $\leq 10^{-3}$. 	
33	G9.56	Tube 15ml đáy nhọn	Cái	150	<ul style="list-style-type: none"> - Thể tích ống 15ml; - Chất liệu Polystyrene; - Chất liệu nắp ống Polyethylene, loại vặn; - Bề mặt kỵ nước, trơ về mặt sinh học; - Ổn định từ 4 ° C đến 60 ° C; - Ống thiết kế hình nón, phù hợp với hầu hết các máy ly tâm để bàn; - Có thể chịu được lực ly tâm lên đến 1800 rcf; - Các vạch chia theo từng bước tăng dần 0,5 mL; - Không chứa DNase/RNase; - Kích thước (sai số mỗi cái không quá 1 mm): + Chiều cao của ống: 120mm + Đường kính ngoài của ống: 15.5mm; + Chiều dài phần đáy nhọn: 20.3mm; + Đường kính trong của nắp: 19.9mm; + Chiều cao của nắp: 10.4mm. 	Không yêu cầu
34	G9.41	Dầu Parafin phủ đĩa nuôi cấy	ml	800	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng phủ môi trường trong IVF và các kỹ thuật vi thao tác; - Thành phần: dầu paraffin nhẹ; - Độ nhớt: 22.4 (± 2.1) cP ở 30 độ C; - Tỷ trọng: 851.00 (± 4.4) mg/ ml ở 30 độ C; - Tiệt trùng bằng phương pháp lọc, mức độ tiệt trùng: SAL $\leq 10^{-3}$; - Kiểm nghiệm nội độc tố vi khuẩn (LAL): ≤ 0.25 EU/ml; - Kiểm nghiệm MEA: $\geq 80\%$ phôi thử nghiệm \rightarrow 1 tế bào thành phôi nang trong 96 giờ; - Kiểm nghiệm MEA vi giọt: số lượng phôi từ 1 tế bào thành phôi nang sau 96 giờ giữa nhóm kiểm nghiệm và nhóm đối chứng không có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê; - Thử nghiệm dầu với tinh trùng người: yêu cầu đạt. 	EU
35	G9.44.2	Pipette chia vạch 10ml, chiều dài 346mm	Cái	50	<ul style="list-style-type: none"> - Thể tích hút 10ml - Chất liệu Polystyrene; - Tiệt trùng (SAL): $\leq 10^{-6}$; - Không chứa độc tố gây sốt; - Không chứa enzyme phân hủy DNA/RNA; - Đạt tiêu chuẩn USP Class VI; - Kích thước: 	Không yêu cầu

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Tổng số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ
					+ Chiều dài pipet: 338-347 mm + Đường kính 9.6-10.0 mm	
36	G9.45.2	Pipette chia vạch 1 ml, chiều dài 279mm	Cái	100	- Thể tích hút 1ml; có vạch chia thể tích ≥ 1.3 ml; - Chất liệu Polystyrene; - Tiệt trùng (SAL): $\leq 10^{-6}$; - Không chứa độc tố gây sốt; - Không chứa enzyme phân hủy DNA/RNA; - Đạt tiêu chuẩn USP Class VI; - Kích thước: + Chiều dài pipet: 277-279.40 mm + Đường kính 4.6-4.7 mm	Không yêu cầu
37	G9.43	Pasteur pipette tiệt trùng 150mm	Cái	750	- Chất liệu thủy tinh; - Thân trên: OD: 6,5-7,1 mm; - Đường kính ngoài đầu phun (OD): 1.2mm; - Đường kính trong đầu phun (ID): 0.7mm; - Bề dày thành ống: 0.50-0.53 mm; - Tiệt trùng bằng EO hoặc hơi nước - Có bông nút ở đầu	G7
38	KIM70	Kim tiêm tinh tử cỡ 70	cái	80	- Chất liệu: Thủy tinh borosilicate - Đầu tip nhọn - Đường kính trong: 6,5-7,5 μm ($\pm 10\%$) - Đường kính ngoài: 8-9 μm ($\pm 10\%$) - Chiều dài kim: 57-60mm ($\pm 10\%$) - Độ dài của đầu kim: 0,55 mm ($\pm 10\%$), góc nghiêng đầu kim: 35 độ - MEA test $\geq 80\%$ Blastocyst, LAL $\leq 0.5\text{EU}$ /dụng cụ - Đạt ISO 13485, FDA, CE	G7
39	KIM90	Kim tiêm tinh tử cỡ 90	cái	80	- Chất liệu: Thủy tinh borosilicate- Đầu tip nhọn- Đường kính trong: 7,5-9,5 μm ($\pm 10\%$)- Đường kính ngoài: 10-11 μm ($\pm 10\%$)- Chiều dài kim: 57-60mm ($\pm 10\%$)- Độ dài của đầu kim: 0,55 mm ($\pm 10\%$), góc nghiêng đầu kim: 35 độ- MEA test $\geq 80\%$ Blastocyst, LAL $\leq 0.5\text{EU}$ /dụng cụ- Đạt ISO 13485, FDA, CE	G7